ẢNH HƯỞNG CỦA HỒ SƠ ĐỌC (READING PORTFOLIO) LÊN VIỆC THÚC ĐẨY TÍNH TỰ CHỦ TRONG HỌC TẬP CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Nguyễn Thái Bảo
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Khánh Hòa

Tóm tắt: *Đọc là một kỹ năng quan trọng trong các chương trình ngôn ngữ tiếng Anh. Tuy nhiên, thời gian trên lớp có hạn có thể không đủ, vì vậy một hoạt động ngoài lớp học như việc xây dựng danh mục đọc có thể mang lại lợi ích. Bài viết này thảo luận về tầm quan trọng của việc thúc đẩy tính tự chủ của người học và điều tra thái độ cũng như những khó khăn gặp phải trong quá trình biên soạn danh mục. Trước mỗi tuần, sinh viên đặt ra mục tiêu học tập, tổng hợp tài liệu đọc và ghi chép tiến trình của mình. Kết quả cho thấy sự cải thiện trong nhận thức của sinh viên về quá trình học tập của họ và tầm quan trọng của việc đặt ra các mục tiêu có thể đạt được.*

Từ khóa: *Kỹ năng đọc, tính tự chủ, danh mục đọc, tự đánh giá, học dựa trên dự án*

THE IMPACT OF READING PORTFOLIOS ON PROMOTING STUDENT AUTONOMY IN LEARNING FOR LANGUAGE MAJORS AT KHANH HOA UNIVERSITY

Nguyen Thai Bao
Faculty of Foreign Languages, Khanh Hoa University

Abstract*: Reading is a vital skill in English language programs. However, the limited class time may not be sufficient, so an out-of-class activity like a reading portfolio can be beneficial. This paper discusses the importance of fostering learner autonomy and investigates their attitude and difficulties encountered during portfolio compiling. Before each week, students set their learning goals, compiled reading materials and documented their progress. The results indicate an improvement in students' awareness of their learning process and the significance of setting achievable goals.*

Keywords: *Reading skills, autonomy, reading portfolio, self-assessment, project-based learning*

Nhận bài: 12/01/2025 *Phản biện: 02/02/2025* *Duyệt đăng: 07/02/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời đại thông tin đa dạng và phức tạp ngày nay, khả năng tự định hướng và quản lý việc học đóng vai trò quyết định sự thành công trong học tập. Nhiều nhà nghiên cứu khẳng định người học có năng lực tự chủ cao sẽ học tập hiệu quả hơn trong quá trình học tập của mình. Hồ sơ năng lực người học, mà ở đây là kỹ năng đọc hiểu đóng vai trò phát triển khả năng tự đánh giá và thúc đẩy việc học có định hướng cho sinh viên (SV). Từ đó, SV phát triển được năng lực ngôn ngữ của mình và tự phản ánh được sự tiến bộ của họ.

Nghiên cứu này tập trung vào việc làm rõ góc nhìn của SV trong việc đọc mở rộng mà tiền đề là lựa chọn tài liệu đọc phù hợp để bồi dưỡng tính tự chủ của người học. Nhiều SV đại học (ĐH) thiếu thói quen tự đọc ngoài lớp và thụ động trong việc đọc sách, báo ngoại ngữ. Họ thường coi việc đọc là yêu cầu trên lớp. Do đó, họ gặp khó khăn khi đọc các tài liệu IELTS học thuật và các văn bản khoa học trong chương trình ĐH. Chính vì vậy, việc thúc đẩy SV thực hiện hoạt động đọc bên ngoài lớp học vẫn là một thách thức đối với bậc GDĐH.

Trong nghiên cứu, phần lý thuyết giới thiệu các khái niệm về học tập tự chủ và HSĐ theo phương pháp học tập theo dự án (Project-based learning). Phần nghiên cứu tập trung vào việc khảo sát ảnh hưởng của HSĐ trong việc nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm của người học. Người học sẽ thực hiện nhiệm vụ được giảng viên (GV) giao, có mục tiêu cụ thể từng tuần và ghi lại tiến trình đọc trong 15 tuần. GV kiểm tra và phản hồi mỗi tuần.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Hồ sơ năng lực là tập hợp các tác phẩm mà người học tập hợp, lưu trữ dưới nhiều dạng khác nhau (nhật ký, thư mục trực tuyến, tập hồ sơ hoặc các định dạng khác) nhằm mục đích thể hiện, ghi lại tiến trình học tập của mình trong một khoảng thời gian cụ thể (Javanmard & Farahani, 2012). Hồ sơ năng lực là một quy trình có hệ thống được người dạy khai thác để đánh giá tiến trình của người học theo từng giai đoạn ở một hay nhiều lĩnh vực (Paulson & Paulson & Meyer, 1991). Do đó, xem xét hồ sơ năng lực cho phép người học tự nhìn nhận nhiệm vụ; từ đó tự chủ và độc lập hơn khi họ có thể tham gia trực tiếp vào mọi quá trình học tập, từ quyết định cách học, nội dung thảo luận và cả cách tự đánh giá quá trình học (Tabatabaei, 2012). Fiktorius (2012) coi rằng đây

là phương pháp giao nhiệm vụ tính điểm mang tính cách mạng, thực tế hơn so với các mô hình truyền thống trước đây. Hồ sơ năng lực đọc không chỉ trao quyền cho SV để họ nhận ra nhu cầu cá nhân mà còn thúc đẩy họ tự đạt được nó bằng động lực nội tại, giúp việc học bớt căng thẳng hơn (Hosni, 2017). Đánh giá hồ sơ năng lực đọc thường kết hợp với đánh giá cộng tác nhằm thúc đẩy mối quan hệ tích cực giữa SV và GV khi họ có thể đưa ra các phản hồi mang tính xây dựng. (Valencia, 1990).

Theo Little (1991) và Sinclair (2000), tính tự chủ là khả năng người học phản biện đưa ra các quyết định hợp lý trong suốt quá trình học tập của chính mình. Tự chủ là yếu tố chính ảnh hưởng đến tiến trình học tập vì vậy người học cần có sự độc lập tự chủ; tức là có khả năng quyết định những gì họ muốn học, những kỹ thuật và công cụ nào giúp cho việc học của họ cải thiện.

Trong nghiên cứu của Chan (2001) ở Hồng Kông về mối quan hệ giữa tính tự chủ và động lực học, tác giả chỉ ra rằng những người có năng lực tự chủ cũng là những người có động lực học cao. Trong một nghiên cứu khác, Spratt, Humphreys và Chan (2002) cũng chỉ ra kết quả tương tự, xác định mối quan hệ giữa tính tự chủ và động lực, dẫn đến những kết quả tích cực trong việc học.

Bàn về việc học ngoại ngữ, lâu nay mọi người đều cho rằng cần mất thời gian dài để thành thạo một loại ngoại ngữ nào đó. Do đó, học bất kỳ ngôn ngữ nào, chỉ diễn ra trong lớp là chưa đủ. Việc học và thực hành phải được thực hiện thêm bên ngoài lớp học (Najeeb, 2013). Mà để tự học diễn ra thuận lợi, tự chủ đóng vai trò nòng cốt.

Một lý do nữa khiến tự chủ trong học tập trở nên cần thiết chính vì mức độ hiện diện của GV trên lớp hiện nay chưa đủ. Việc đào tạo người học ngôn ngữ tự chủ và trách nhiệm hơn là nhiệm vụ thiết yếu đối với GV ngôn ngữ. Điều này đặc biệt cấp thiết trong bối cảnh châu Á, vì người học khu vực này thường khá thụ động và cần sự can thiệp nhiều từ GV (Pierson, 1996).

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp định lượng và sử dụng kỹ thuật lấy mẫu mục tiêu để thuận tiện hơn khi tiến hành. Những người tham gia là SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (13 nam và 29 nữ) đều là SV năm 3 ngành Ngôn ngữ Anh. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi vào tuần cuối khóa học. Thời gian cho các nhiệm vụ đọc được quy định rõ ràng trước mỗi tuần.

Các câu hỏi được phát triển dựa trên kết quả nghiên cứu lý thuyết trước đó. Khảo sát bao gồm 2 phần. Phần 1 tìm hiểu về ý kiến của SV sau khi xây dựng HSĐ. Phần này gồm 7 câu hỏi theo thang đo Likert với các lựa chọn trả lời từ 1 đến 5, thể hiện từ hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến, đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Các câu trả lời khảo sát được phân tích tự động bằng các công cụ thống kê do Google Biểu mẫu cung cấp. Phần 2 gồm 3 câu hỏi mở nhằm mục đích tìm hiểu sâu hơn các khó khăn, những điều học được sau dự án; cùng các đề xuất mong muốn giúp cải thiện hoạt động từ phía người tham gia.

3.2. Kết quả và thảo luận

3.2.1. Kết quả từ bảng câu hỏi dành cho SV

Theo biểu đồ 2.1 bên dưới, phần lớn SV thấy rằng họ có thể tự đặt ra mục tiêu học tập cho bản thân để hoàn thành dự án và có khả năng tư duy về các bài đọc đã tổng hợp (71,9 % đồng ý – 15,6% hoàn toàn đồng ý, trung bình: 3,03).

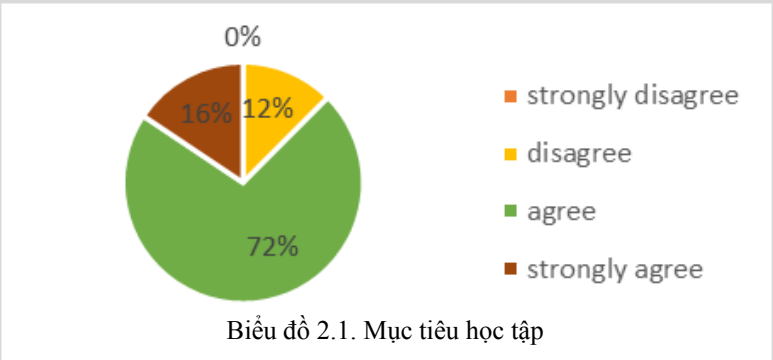

Biểu đồ 2.1. Mục tiêu học tập

Tuy nhiên, sau khi đã xác định mục tiêu học tập, việc tìm kiếm tài liệu đọc để hoàn thành HSĐ khá khó khăn khi hầu hết SV tham gia nghiên cứu đều khẳng định họ gặp trở ngại trong việc lựa chọn đoạn văn phù hợp theo chủ đề từng tuần, như trong biểu đồ 2.2, cụ thể 53% SV hoàn toàn đồng ý và 41% đồng ý với tuyên bố này.

Biểu đồ 2.2. Khó khăn khi tìm kiếm tài liệu đọc

Tiếp theo về khả năng thúc đẩy động lực học tập, ở biểu đồ 2.3, có thể thấy rằng hơn một nửa số SV tham gia đồng ý rằng HSĐ thúc đẩy họ đọc nhiều văn bản tiếng Anh hơn (56%), cao gấp ba lần so với số SV phản đối quan điểm này.

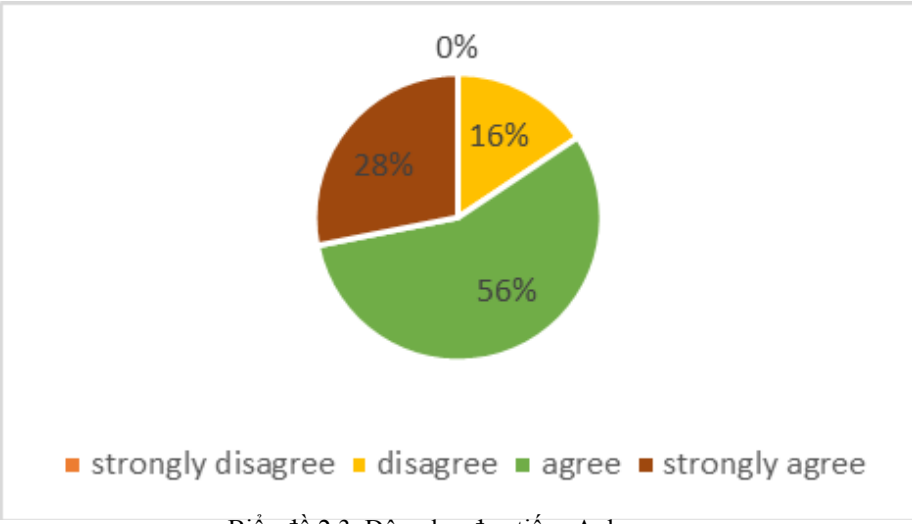

Biểu đồ 2.3. Động lực đọc tiếng Anh

Câu 4 tìm hiểu về đánh giá của SV về thời lượng dành cho hoạt động xây dựng portfolio. Qua biểu đồ 2.4, có thể thấy còn nhiều ý kiến trái chiều; cụ thể là 47% SV nghĩ rằng họ không lãng phí thời gian khi xây dựng HSĐ, trong khi hơn một nửa có quan điểm ngược lại.

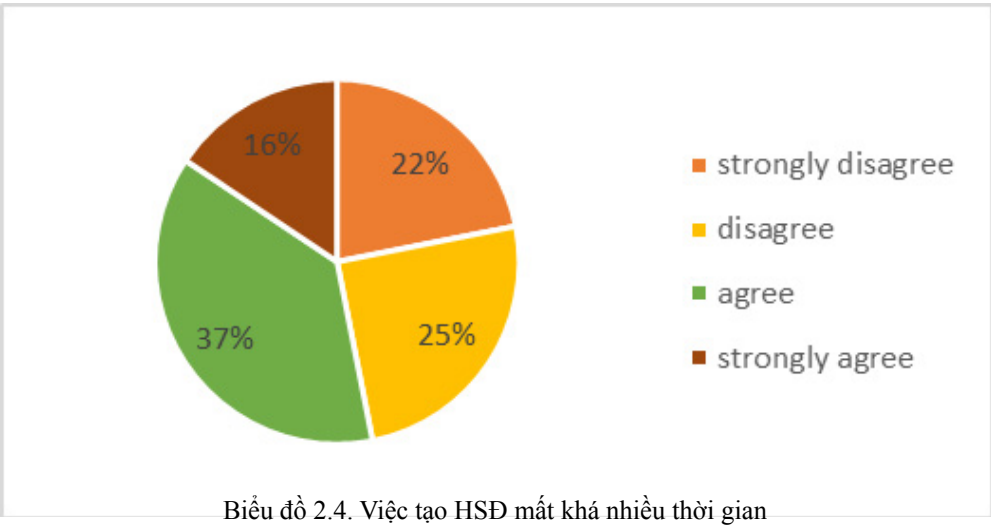

Biểu đồ 2.4. Việc tạo HSĐ mất khá nhiều thời gian

Trong câu kế tiếp về sự tự phản ánh (biểu đồ 2.5), 72% SV bày tỏ sự đồng ý của mình về khả năng xác định điểm mạnh và điểm yếu của bản thân liên quan đến mức độ hiểu bài đọc. Tuy nhiên, một số ít SV vẫn cảm thấy rằng họ không nhận thức được gì mới sau các nhiệm vụ đọc (28%).

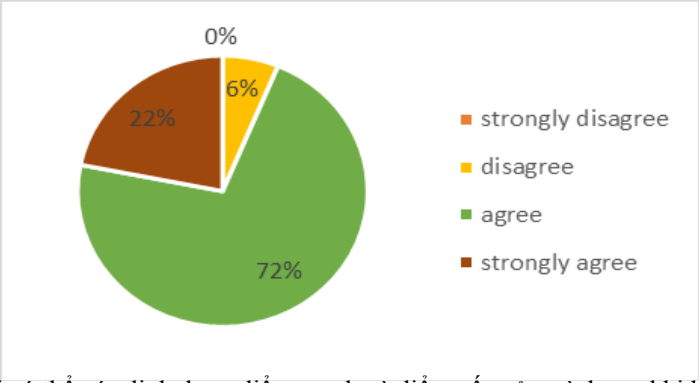

Biểu đồ 2.5. Tôi có thể xác định được điểm mạnh và điểm yếu của mình sau khi hoàn thành reading logs

Theo kết quả thu được, ở biểu đồ 2.6, thảo luận giữa SV đã được cải thiện thông qua dự án này. Có 78% thấy đã tương tác nhiều hơn với nhau (trong cùng nhóm hoặc khác nhóm) để hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn. Tuy nhiên, hơn 40% người tham gia cho rằng họ có thể học hỏi từ bạn cùng nhóm và cải thiện tiếng Anh của mình (biểu đồ 2.7)

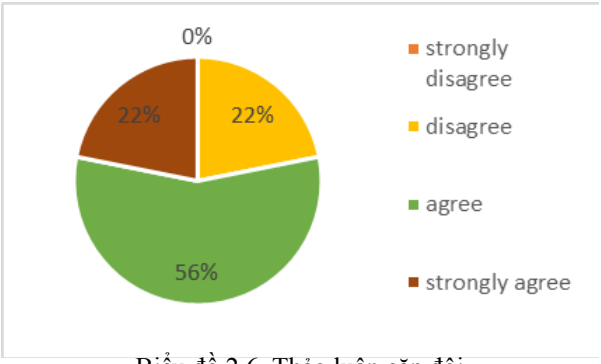

Biểu đồ 2.6. Thảo luận cặp đôi

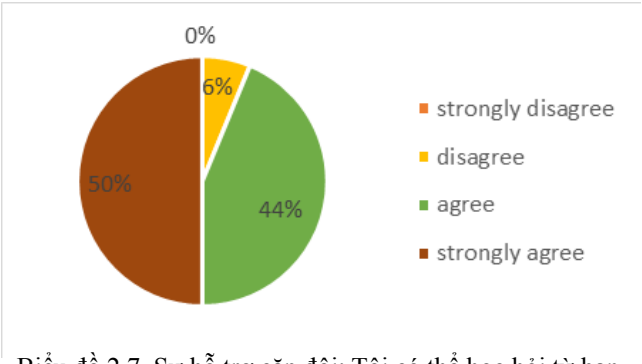

Biểu đồ 2.7. Sự hỗ trợ cặp đôi: Tôi có thể học hỏi từ bạn cùng lớp và cải thiện tiếng Anh của mình

3.2.2. Kết quả từ các câu hỏi mở

Câu hỏi 1 phần 2: Với mục đích tìm ra những thách thức mà SV gặp phải khi thực hiện hồ sơ năng lực đọc. Khoảng 44% SV thừa nhận rằng các từ mới phức tạp, đặc biệt là các thuật ngữ khoa học trong các văn bản khoa học cũng như các cấu trúc ngữ pháp nâng cao khiến tốc độ đọc - hiểu của họ chậm đi đáng kể. Một tỷ lệ nhỏ SV cũng đề cập đến khó khăn trong việc tìm bài đọc phù hợp hay dự án lập HSĐ này tốn thời gian.

Trong câu hỏi thứ 2, SV đưa ra quan điểm của mình về những gì họ đã đạt được từ khóa học. Mặc dù đã nhận định các thuật ngữ chuyên ngành – ngữ pháp nâng cao là hai rào cản lớn, nhiều SV bước đầu nhận thấy: "em đã cải thiện đáng kể vốn từ vựng và trình độ ngữ pháp của mình" (43,8%). Tương tự, 47% câu trả lời chỉ ra kỹ năng đọc của SV có tiến bộ sau khóa học. Đáng chú ý hơn, có 22% SV nhận ra sự cải thiện trong các kỹ năng tư duy phân tích và phản biện - những kỹ năng có giá trị học tập trong tương lai. Tuy nhiên, một số ít người tham gia đã nhận xét rằng "việc quản lý thời gian và theo dõi tiến trình của em khá vất vả, em chưa biết cách quản lý tài liệu đọc hợp lý" (15,6%).

Câu hỏi cuối cùng thu thập các nhận xét của SV sau khóa học. Có 22% cần các mục tiêu hàng tuần rõ ràng hơn. Có 10/++32 SV bày tỏ sự hài lòng với trải nghiệm học tập trong khóa học, lưu ý rằng đây là lần đầu tiên các em tiếp xúc với việc cải thiện khả năng hiểu đọc (=31,3%). Tuy nhiên, hơn một phần tư SV không đưa ra bất kỳ phản hồi nào.

3.2.3. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng HSĐ có tác động tích cực đến việc nâng cao tính tự chủ trong học tập của SV bên cạnh những khó khăn còn tồn tại. Ban đầu, SV cần được làm quen với quy trình thực hiện HSĐ và thể hiện sự phản ánh năng lực thông qua nhật ký đọc. Khi xem xét nhật ký đọc của người học trong hai tuần đầu, người nghiên cứu nhận thấy một số người học gặp khó khăn trong việc tóm tắt ý và cách viết phản ánh cho các bài đọc đã lựa chọn. Một số SV thậm chí không biết chọn tài liệu đọc như thế nào. Bên cạnh đó, trình độ của người học là một trong những trở ngại trong việc đưa ra phản ánh cá nhân. Tuy nhiên,

nhà nghiên cứu đã định hướng rõ hơn về cách xác định tài liệu phù hợp cũng như đề xuất một vài cách viết nhật ký sau khi đọc. Từ số liệu thu được, tuy có những khó khăn ban đầu, một số lớn SV thấy hoạt động này có lợi cho việc phát triển năng lực đọc của họ. Trong nghiên cứu, hầu hết SV thích làm việc nhóm hơn là đọc và tự viết phản ánh cá nhân. Mặc dù không có bằng chứng đáng kể nào về việc cải thiện kỹ năng đọc trong dự án kéo dài 12 tuần, nhưng việc lặp lại hoạt động này có khả năng nâng cao tính tự chủ của người học. Bằng cách sử dụng nhật ký đọc như một công cụ luyện tập thường xuyên, SV có thể dần cải thiện kỹ năng đọc của mình. Kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng phân tích cũng phát triển dần dần.

IV. KẾT LUẬN

Mục đích của bài viết là cung cấp cho SV kinh nghiệm học tập từ hồ sơ năng lực đọc, từ đó giúp SV có nhận thức và thúc đẩy năng lực học tập tự chủ và xây dựng các chiến lược cho họ. Hơn nữa, SV có thể nâng cao không chỉ kỹ năng đọc mà còn cả các kỹ năng phản biện và tư duy độc lập. SV có thể tham gia vào chính việc học của mình hơn và hiểu mục đích của việc thực hiện các hoạt động đó. Little (2003) nêu rằng sự thành công của tự chủ trong học tập phụ thuộc vào một loạt các yếu tố như hiểu biết sâu về bản chất của học tập độc lập (1), thái độ đúng đắn đối với quá trình (2), phản ánh thông qua thực hành (3), và cả khả năng tự quản lý (4) và cởi mở trong hợp tác, tương tác và trao đổi với bạn bè (5). Ngoài ra, SV cần học cách thu thập minh chứng học tập của mình, từ đó có kế hoạch học tập tốt hơn cho bản thân. Tuy nhiên, cần thêm các nghiên cứu về quan điểm của GV khi sử dụng công cụ hướng dẫn như portfolio và hiệu quả trong đánh giá ở các mô hình lớp học mới thay vì các hình thức đánh giá truyền thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chan, V. (2001). *Readiness for learner autonomy: What do our learners tell us? Teaching in higher Education,* 6(4), 505-518.

Dafei, D. (2007). *An exploration of the relationship between learner autonomy and English proficiency.* Asian EFL Journal, 9(1), 1-23

Little, D. (2003). *Learner autonomy and second/foreign language learning. Subject Center for Languages, Linguistics and Area Studies*, Guide to good practice. Retrieved September 8, 2007, from http://www.llas.ac.uk/resources/gpg/1409.

Najeeb, S. S. R. (2013). *Learner Autonomy in Language Learning. Procedia-Social and Behavioral Sciences, 70(January)*, 1238–1242. %3CGo%0Ato

Paulson, F. L., Paulson, P. R, & Meyer, C. A. (1991). *What makes a portfolio? Educational Leadership*, 48(5), pp. 60-63.

Richards, J. C. (n.d.). *Learner Autonomy in Language Teaching.* https://www.professorjackrichards.com/learner-autonomy-in-language-teaching/

Spratt, M., Humphreys, G., & Chan, V. (2002). *Autonomy and motivation: Which comes first? Language Teaching Research,* 6(3), 245-266.